PHỤ LỤC 03: NỘI DUNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TẠI QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BIA HÀ NỘI – THANH HÓA

(Đính kèm Tờ trình số 135/TTr-THB, ngày 10 tháng 8 năm 2026)

Ghi chú:

- *Các điều không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi*
- *Các nội dung đề xuất thay đổi trong mục "Quy định tại Quy chế hiện hành" là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.*
- *Các nội dung cần sửa đổi bổ sung tại mục "Quy định tại Quy chế sửa đổi" là các dòng chữ thể hiện dưới dạng **gạch chân, in đậm**.*
- *Luật Doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành;*
- *Luật Doanh nghiệp sửa đổi 2025 là Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025.*
- *Luật Chứng khoán là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.*
- *Nghị định 155/2020/NĐ-CP là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.*
- *Thông tư 116/2020/TT-BTC là Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán.*

Quy định tại Quy chế hiện hành	Quy định tại Quy chế sửa đổi	Chú thích
Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019; **Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;** **Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;** **Căn cứ** Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; **Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hoá** **Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25/NQ-ĐHĐCĐ-THB ngày 27 tháng 04 năm 2021**	**Căn cứ:** - **Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 11/01/2022 và Luật số 76/2025/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/06/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.** **- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019, sửa đổi bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 29/11/2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.** **- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 245/2025/NĐ-CP ngày 11/09/2025 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thi hành.** **-** Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;	Cập nhật dẫn chiếu

	- Điều lệ Công ty Cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hoá; **- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số …… ngày 11 tháng 09 năm 2026**	
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị**	
1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu **Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc,** người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.	1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu **Giám đốc, Phó Giám đốc**, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.	Sửa đổi phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**	
1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Thành phần, nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.	**1. Số lượng Thành viên HĐQT là 07 (bảy) người.**	Sửa đổi số lượng thành viên HDQT phù hợp với Điều lệ Công ty
2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới tính; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành/độc lập. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội	2. Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức và kinh nghiệm về pháp luật, tài chính; lĩnh vực hoạt động kinh doanh của công ty và có xét yếu tố về giới tính; đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên kiêm điều hành và các thành viên không điều hành/độc lập. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty

đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo quy định tại khoản 3 **Điều 26 Điều lệ Công ty.**	đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đảm bảo quy định tại khoản 3 **Điều 27 Điều lệ Công ty.**	
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị**	
2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là **Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc**, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.	2. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên Hội đồng quản trị không phải là **Giám đốc, Phó Giám đốc**, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.	Sửa đổi phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị**	
1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại **Điều 26 Điều lệ Công ty**; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.	1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây: a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại **Điều 27 Điều lệ Công ty**; b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; d) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị**	
1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại **khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty** và quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm phần trăm (05%) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau: a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại **khoản 2 Điều 26 Điều lệ Công ty** và quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), **trong thời hạn ba (03) ngày trước thời điểm tiến hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị**	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết (số lượng ứng viên phải bằng hoặc lớn số lượng thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông đã thông qua để bầu cử tại cuộc họp), **Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu, đề cử thêm ứng viên theo cách thức phù hợp với quy định**	Sửa đổi, bổ sung, cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty

đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên, ứng viên do Hội đồng quản trị giới thiệu phải được đa số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết thông qua. Danh sách ứng viên thành viên Hội đồng quản trị sẽ được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.	**tại Điều lệ Công ty và Khoản 2 Điều 4 Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.**	
3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều 11 Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau.	**3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị có thể được thực hiện theo một trong những phương thức quy định tại Khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty và Điều 5 Phụ lục II ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty.**	Cập nhật, thay thế nội dung cũ bằng dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	**Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị**	
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ	**2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định.**	Sửa đổi, bỏ các nội dung chi tiết đã quy định tại Điều lệ và Quy chế nội bộ về Quản trị

thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau: **a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;** **b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;** **c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;** **d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;** **e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;** **f) Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;** **g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;** **h) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;** **i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ mười lăm phần trăm (15%) tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty,**		Công ty. Cập nhật dẫn chiếu đến các văn bản liên quan.

trừ các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp và khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty; **j) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;** **k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;** **l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;** **m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;** **n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;**		

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; **p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;** **q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty.** **r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.**		
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch	**Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch**	
1. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng được quy định tại **điểm n khoản 2 Điều 14 Điều lệ Công ty.**	1. Hội đồng quản trị thông qua các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn ba mươi lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty với một trong các đối tượng được quy định tại **điểm n khoản 2 Điều 15 Điều lệ Công ty.**	Cập nhật dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường	**Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường**	

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau: **a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;** **b) Các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;** **c) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu mà luật pháp quy định hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá 1/3 so với số thành viên quy định trong Điều lệ - trường hợp này Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3;** **d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 của Điều lệ Công ty yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);** **e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản**	**1. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty.**	Sửa đổi, bỏ các nội dung chi tiết đã quy định tại Điều lệ Công ty. Bổ sung dẫn chiếu đến quy định liên quan tại Điều lệ Công ty.

tri hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình; **f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.**		
2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường **a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm c khoản 1 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 1 Điều này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty, theo quy định khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;** **b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.**	**2. Việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường tuân thủ các quy định của Luật Doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty.**	Sửa đổi, bỏ các nội dung chi tiết đã quy định tại Điều lệ Công ty. Cập nhật dẫn chiếu đến các văn bản liên quan.

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 1 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp. **Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.** **d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.**		
Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị	**Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị**	
3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: **a) Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) người điều hành;**	3. Các cuộc họp bất thường: Chủ tịch **Hội đồng quản trị** phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị: **a) Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;**	Sửa đổi, bổ sung theo Khoản 3 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

b) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị; **c) Chủ tịch Hội đồng quản trị;** **d) Đa số thành viên Ban kiểm soát và thành viên Hội đồng quản trị độc lập.**	**b) Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;** **c) Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;** **d) Chủ tịch Hội đồng quản trị.**	
11. Biểu quyết. ….. d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại **điểm a và điểm b khoản 8 Điều 43 của Điều lệ Công ty** sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	11. Biểu quyết. ….. d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại **điểm a và điểm b khoản 8 Điều 44 của Điều lệ Công ty** sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.	Cập nhật dẫn chiếu luật
Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị	**Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị**	
2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.	2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự **và đồng ý thông qua biên bản** họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. **Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với doanh nghiệp do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật này, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.** Nội dung được đa số thành viên dự	Sửa đổi, bổ sung phù hợp với Khoản 6 Điều 7 Luật sửa đổi Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự 2022 có hiệu lực kể từ ngày 01/03/2022

	họp tán thành tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành Nghị quyết thông qua.	
Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	**Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị**	
1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được. **2. Tổng số tiền trả cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền thù lao cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty.** **3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản**	**Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về Quản trị Công ty và các văn bản pháp luật liên quan.**	Sửa đổi, bỏ các nội dung chi tiết đã quy định tại Điều lệ Công ty. Bổ sung dẫn chiếu đến các văn bản liên quan.

tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị. **4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.**		
Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành	**Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành**	
Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để **Tổng giám đốc (Giám đốc)** và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.	Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để **Giám đốc** và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.	Sửa đổi phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty
Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát hoặc Ủy ban kiểm toán	**Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát**	
1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát **hoặc Ủy ban kiểm toán** là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát **hoặc Ủy ban kiểm toán** theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. 2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát **hoặc Ủy ban kiểm toán**,	1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ. 2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên	Sửa đổi phù hợp với cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.	quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.	
Điều 24. Hiệu lực thi hành	**Điều 24. Hiệu lực thi hành**	
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hoá bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ **ngày 27 tháng 4 năm 2021.**	Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Bia Hà Nội – Thanh Hoá bao gồm 7 chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ **ngày 11 tháng 09 năm 2026.**	Cập nhật ngày hiệu lực của Quy chế
Lưu ý: ***- Một số điều chỉnh chi tiết khác về cấu trúc câu, từ ngữ sử dụng, thuật ngữ viết tắt và một số dẫn chiếu trong Quy chế để đảm bảo tính thống nhất về hình thức, nội dung của Quy chế nhưng không làm thay đổi nội dung các Điều, Khoản.***		